

Quan niệm về văn học – đóng góp của Bùi Giáng với lý luận văn học dân tộc

Quan niệm về văn học – đóng góp của Bùi Giáng với lý luận văn học dân tộc

ĐOÀN THỊ MINH TRÀ

Thứ tư, 08 Tháng 7 2020 21:58

1. Thập kỷ XX, thi đàn Việt sau nhiều thập niên được thắp sáng bởi ánh hào quang của *chòm sao chổi thơ ca* Hàn Mặc Tử, lại được bừng lên với một hiện tượng thi ca mới: Bùi Giáng, một *“thiên tài không định nghĩa được”*(1). Từ buổi xuất hiện, thiên tài kì lạ này đã định vị mình trên lược đồ văn học dân tộc như *“ngôi tinh văn kì dị có bóng dáng lóng lộng nhưt hậu bán thế kỷ XX”* (Hoàng Phê Ngọc Tường)(2). Lúc sinh tiền người đời ngưỡng vọng dành cho ông nhiều danh xưng cao quý: *“Người hóa thân cho thi ca”*, *“Người Thơ”*,... Tự bản thân, Bùi Giáng nhận mình là Trung Niên Thi Sĩ. Bên cạnh thành tựu thơ văn đã và đang ngày càng thu hút sự quan tâm tìm hiểu, nghiên cứu, ông còn để lại những di sản phê bình tri thức học, dịch thuật, phê bình văn học, hội họa. Và trong lĩnh vực nghiên cứu văn học, ít ai biết rằng, Bùi Giáng cũng có những đóng góp đáng ghi nhận về lý luận sáng tạo nghệ thuật văn chương.

2. QUAN NIỆM VĂN HỌC

2.1. Quan niệm về thơ ca

Thơ ca là hình thái văn học đầu tiên nảy sinh từ khi con người bắt đầu cảm thấy mối liên hệ giữa mình và thực tại và sâu sắc hơn là khi con người có những nhu cầu tự biểu hiện trong đời sống. Ý thức cao về lập trường sáng tạo thơ ca, Bùi Giáng đã

xây dựng quan niệm sáng tác riêng – những quan điểm thường được ông phát biểu gián tiếp, thông qua cách nói hình tượng: “Thơ là một cái gì không thể bàn tới, không thể diễn gì được. Người ta có thể diễn tả một trận mưa rào bằng thơ. Thì có lẽ muốn diễn tả một bài thơ, người ta chỉ có thể phát động một trận mưa rào, một cơn gió thu. Mà muốn thực hiện sự đó, thì ngoài việc làm thơ ra, con người không còn phép nào khác. Thế có nghĩa là muốn bàn tới thơ, diễn dịch thơ, người ta chỉ có thể làm một bài khác. Người xưa am hiểu sự đó, nên chỉ vịnh thơ chứ không điên rồ mà bàn luận về thơ. Người đời nay trái lại. Họ buộc phải luận thơ có mạch lạc luận lý không được “bức đùng” vịnh lảng những cái chỉ ngu si đó là điểu bất khả tư nghì vậy” [1, tr149]. Thi sĩ nói thêm về cách ông làm thơ: “Thơ tôi làm chỉ là một cách đùa ba đào về chân trời khác. Đi vào giữa trung tâm giông bão một lúc thì lập tức xô ngôn ngữ thoát ra, phá vòng vây áp bức... Tôi gạ gẫm với châu chấu chuồn chuồn, đem phỏ thác thum họa trên gian cho chuồn chuồn mang trên hai cánh mỏng bay đi(...) Tôi ra bờ sông nằm ngơ khóc một mình giữa thơ đại chiêm bao. Trong chiêm bao thơ về lảng đãng thì từ đó về bất tuyệt cũng lảng đãng chiêm bao. [2, tr.33].

Bùi Giáng không định nghĩa thơ bằng lời nói mang màu sắc luận lý. Chiêm nghiệm thực tế sáng tác, thi sĩ nhận ra thơ là “cỗ phiêu bồng” (Lời phiêu dưng lại một điệu chào dị sai – Lá Hoa Cỏn). **Thơ là vô ngôn**. Ông lý giải: “Cái nói của tư tưởng chỉ đạt tới chỉ bình hòa thanh tịnh thuần thanh và tìm thấy lại tinh thần của mình là chính lúc nó không nói được điểu gì, nó phải được tồn tại trong vô ngôn, một sự vô năng như thế sẽ nhiếp dẫn tư tưởng tới tiến diện sự thế, sự vật từ như” [3, tr36].

Quan niệm về thơ của Bùi Giáng khá gần gũi với mỹ học về **cái nhạt** của Trung Hoa mà nhà triết học hiện đại F. Julien đã bình giải: “Cái nhạt chỉ hiện ra đối người ta cảm nhận được khi nó hướng người ta đến cái hài hòa đã qua, cái đã được định đoạt trong im lặng” [4, tr20]. Như thế với Bùi Giáng, thơ mang một hàm nghĩa rất rộng; là một thế giới nhiệm màu, tế vi và tự

nhiên, nhi nhiên như cuộc sống muôn vẻ đa chiếu kích; là nghệ thuật tinh túy của ngôn từ chẩy tràn ra từ những siêu thăng trong tâm hồn, tiềm thức và vô thức (Trong chiêm bao thơ vẻ lãng đãng thì từ đó vẻ bất tuyệt cũng lãng đãng chiêm bao). Thơ với Bùi Giáng, là cái gì vượt thoát (Lời phiêu), “là lô hoa thuần thanh -ngọn lửa đã xanh – lửa đã xanh thì tươi mát như ngọn lá đã mới nọ. Nhưng sức nóng mãnh liệt của nó có thể thiêu rụi bất cứ thứ cứng rắn nào” [5,tr.104] và thơ cốt phôi trỏ vẻ được với nguồn cội đời sống tại-thế- người (một sự vô năng như thế sẽ nhiếp dẫn tư tưởng tới tiềm diện sự thế, sự vật từ như). Chính lúc đó thơ ca làm cuộc đời hiện lên trong vẻ đẹp vừa siêu thoát vừa chân thật như vẻ có. Bùi Giáng đã đưa thế tính của thi ca vẻ đúng chỗ của nó, là hệ quả của phép làm thơ, một quá trình sáng tạo kì diệu như ông nói: “...hãy quên đi rồi hãy viết. Hãy viết như viết trong chiêm bao: nơi đó mọi thứ đã trộn lẫn. Một thứ trộn lẫn đầy cảm động và mãnh liệt. Đừng có chằm chằm vào một cái gì, một chỗ nào. Hãy nên chằm chằm vào chỗ rạt rào”. [5,tr.10]. Thơ ông đã đạt được đến độ dạt dào nhựa sống, lay động hồn người chính từ quan niệm như thế:

Một hôm nào em mơ của đời u khe

Và bữa đó đến bây giờ còn rạ

Thi nhau mọc mặt trời lên lơ tở

Bông lúa chín trong rừng kêu tiếng lá

Chim chóc xanh đòi đẻ trứng bây giờ.

(Làm thân con gái)

Bùi Giáng mặc khải vẻ sự khai hạ, sự sinh nở nơi người Mẹ cuộc sống huyền nhiệm như hoạt cảnh chúa trời giáng thế; hạt mầm sự sống tí tách trở động trong nguồn ánh sáng nguyên sơ dựng dậy một sự sống nguồn sự sống tràn trề, xanh ngát. Có thể thấy, ông chỉ trưng đưa thơ ca thành tiếng nói gần gũi với đời sống con người nhất nhưng phải là thứ tiếng nói về cuộc sống ở trình độ

tinh tuyền, để cuộc sống hiện lên trên một giác độ mới, một trần gian rộng rãi hơn, mê đắm hơn nhưng không xa lạ. Quan niệm thơ là cõi phiêu bồng, là vô ngôn, Bùi Giáng dùng ngôn ngữ thẩn ngôn, chỉ ngôn, trùng ngôn, phồn ngữ, nhằm đạt đến *chìm lặng nơi sống* như tinh thần Thiển Tông Phương Đông và tinh thần của triết học Heidegger phương Tây về ngôn ngữ: “*Trong cõi ngôn ngữ nghiêm hàn ấy có sự trì ngự huyền hĩa bảo giông và tại trung tâm huyền hĩa bảo giông đó có cõi viên dung thanh tịnh*” [6,tr.24]. Thơ nghiêm hai câu trong bài “**Chào Nguyên xuân**” của ông:

Xin chào nhau giữa con đường

Mùa Xuân phía trước miên trường phía sau.

Hai câu thơ lâu nay vẫn được xem là tuyệt bút, bởi đứng trước nó người đọc được dẫn vào một cõi miền đầy băng lạnh. Ta thấy cái vẫy tay lấp lánh niềm hân hoan của thi nhân để dẫn bước vào dòng chảy cuộc sống đang mời gọi. Nhưng, để định vị được tọa độ nào là điểm đứng của thi nhân quật thật vô cùng mờ ảo. Có thể hiểu *mùa Xuân phía trước* là tương lai và *miên trường phía sau* thuộc về quá khứ. Hay ngược lại, thời khắc *mùa Xuân* cuộc đời nhà thơ chỉ còn là quá khứ và tương lai phía trước chỉ là giấc *miên trường* – giấc ngủ dài. Câu thơ ảo diệu, uyên bác nhưng cứ tự nhiên, thơ thới tuôn chảy như không hề có dấu vết của bàn tay của người sáng tạo. Bằng cách đó, thơ giới thiệu ca Bùi Giáng mở ra phiêu bồng, bát ngát – cái thế giới của bóng vang.

Từ quan niệm về thơ, Bùi Giáng cũng mạnh mẽ suy nghĩ về cách đọc thơ và nâng lên thành cách đọc văn chương:

Ngữ ngôn khép kín mặc dầu

Hùng tâm tìm máu óc đâu mở ra

Dịu dàng cuối lá đâu hoa

Mười vầng châu lệ chín sa dòng dòng

(Bé con ơi)

Cách đọc thơ theo ông là vừa là một sự tri âm: máu óc trong đầu ra, máu mủ trong tim ra, phải có *hùng tâm* đừng *nghi tâm*, biết đau khắp tâm can: *Mười vò châu lệ chín sa dòng dòng*, biết trân trọng nâng niu: *Dịu dàng cuội lá đầu hoa*. Nhà Đông phương học Nhật Bản Toshiko Izutsu có bàn về hai cấp độ đọc: “Ý thức cấp một là ý thức thông thường bằng thao tác, bằng cảm xúc bằng tri giác, bằng tư duy duy lý, chủ yếu nhận thức sự vật trong thời gian và không bình diện hiện tượng luận. Ý thức cấp hai là chi sâu của ý thức, nó có năng lực đọc được sự vật trong trạng thái “sự thống nhất nguyên thủy không trạng thái tuyệt đối chưa phân hóa của chúng và không phía sau, phía bên kia của sự vật đã đa dạng hóa thành những hiện tượng”, nó đọc được “cơ sở văn bản phi hiện tượng, siêu hình và chưa đa dạng hóa của chúng”(3) Cách mà Bùi Giáng khuyên người đọc đối với văn bản này đây thuộc về trường hợp thứ hai, **đọc bằng vô thức và ý thức**. Khi đó tiếp nhận văn học như một hoạt động đối thoại “muốn bàn tới thơ, dịch thơ, người ta chủ có thể làm một bài khác”. Thông qua sự va chạm với vô thức và ý thức tác giả thể hiện nơi văn bản, người đọc nắm bắt được những lóe sáng của trực giác, cảm thức về ý nghĩa văn bản. Đó là: văn bản khác trong sự chiêm lĩnh của người đọc, có giá trị thanh lọc tinh thần, tâm hồn.

Không thể có lối chiêm đoạt hoàn toàn văn bản một cách chủ định như lối nghĩ truy tìm thông khi đối với tác phẩm văn chương, ông nói: “Đi vào cõi thơ. Thể nghĩ là? Có một cõi và một cuộc đi, cuộc đi có nhiều thể thái. Có thể theo lối chu du của ông Khổng Tử.

Có thể đi theo lối ngời yên không rục rịch suốt bao diên trường tu nguyệt dưới một gốc cây bèn đi theo lối Như Lai. Cũng có thể đi theo lối anh lừa bò vào đống sim trái chín(4). “Đi như vậy dù sao thì dù, cũng là trong ý hướng muốn cõi ra chơi. Không ai buộc ai phải theo ý của riêng độc đoán của ai... đã gọi là muốn cõi thì chớ nên khép mí mắt. Nghĩa là ...tránh cái lối bưng bít (...). Đó là điếu kiện cần và đủ, không buộc ai

phải đi qua miền bạc bình sinh.” [7, tr.482].

Vấn bằng lời nói hình tượng, nhìn nhận trên của Bùi Giáng tỏ ra khá gần với lý luận văn học hiện đại và hậu hiện đại với những khám phá về yếu tố người đọc tích cực và văn bản văn học. Thông điệp học hiện đại với các quan điểm của M.Heidegger, G. H.Gadamer, Mỹ học tiếp nhận với các nhà lý luận W.Iser, H. Robert Jauss thừa tiếp thành tựu triết học về ngôn ngữ và triết học Hiện tượng học của ch nghĩa hiện sinh đi đến hình thành lý thuyết tiếp nhận hiện đại. Các nhà lý luận hiện đại, hậu hiện đại quan niệm tác phẩm văn học như là quá trình(5), luôn chờ đón người đọc đến để hiện thực chính nó. Người đọc là môi trường hợp đến với tác phẩm là thực hiện một cuộc giao tiếp giữa toàn thể cái thế giới vô thức và ý thức của bản thân với văn bản, nơi hiện thực toàn bộ cái vô thức và ý thức của tác giả. Mỗi người đọc có một trình độ tiếp nhận nhất định, trường phái Mỹ học tiếp nhận Konstanz(6) gọi là *tạm đón nhận*. Ở mỗi thời đại khác nhau, người đọc có những quan điểm, thiên kiến khác nhau.Vì vậy quá trình tiếp nhận tác phẩm ở mỗi người đọc cũng khác nhau.Như thế, kết quả giải mã và hiện thị giá trị của tác phẩm trong lịch sử tiếp nhận trên trục thời gian đương đại và lịch đại mới làm nên giá trị thực tại của nó.

Đi sánh với quan điểm của lý luận văn học hiện đại phương Tây về hai trong các yếu tố then chốt của hệ thống văn học, để nhận thấy quan niệm văn học của Bùi Giáng có những điểm rất mới mẻ, độc đáo đang thời gần gũi và thích hợp với các yếu tố cơ bản của văn học (Nhà văn- Tác phẩm -Người đọc) với lý luận văn học thế giới đương đại. Ông cho rằng tiếp nhận tác phẩm văn học là hoạt động chủ động của mỗi người đọc (*cuộc đi có nhiều thế thái*). Mỗi người đọc khác nhau (có thể hiểu là: khác tạm hiểu biết về thế loại, hình thức, ngôn ngữ của tác phẩm, sở thích, sở trường, kinh nghiệm...) sẽ có cách và sự chiêm lĩnh khác nhau đối với tác phẩm. Theo đó, tác phẩm văn học (cổ thi) được nhìn nhận như là một hệ thống mở (không *bưng bít, khép kín*), chứa đầy ẩn số. Nó kích thích sự đào sâu suy nghĩ,

cảm nhận, tìm cách giải mã, lập đờy ch “bọt kh giải” tức thời của tác phẩm (thơ ca) và nó kéo dài ra đến vô hạn tùy theo sự nội cảm, trạng thái nhận thức và trình độ của chủ thể tiếp nhận. Người đọc ở những tầng bậc thẩm mỹ khác nhau sẽ lĩnh giải tác phẩm ở những điểm khác nhau.

Lâu nay, đứng trước thế giới thi ca Bùi Giáng, người ta vẫn thường có tâm thế “kính nhi viễn chi”, cảm thấy như đứng trước một thế giới thơ ca luôn ở thế tràn bờ, không biên giới; thế giới được xây cất bởi thứ ngôn ngữ đờy kh biến như đời sống, chẳng hạn: *Thế một lần đời diện thơ Bùi Giáng* (Trương Vũ Thiên An), *Một thế nghiêm đọc thơ Bùi Giáng* (Khô Iêm), hoặc một sự ghi nhận khoáng đạt: *Cuộc hòa giải vô tận: trường hợp Bùi Giáng* (Nguyễn Hưng Quốc),...có lẽ điều đó xuất phát từ hiệu ứng của quan niệm thơ, cách làm thơ như đã thấy ở ông. Bùi Giáng có một quá trình tiếp xúc với hệ thống tư tưởng triết học hiện sinh phương Tây mà nền tảng của nó là hiện tượng học Husserl; ông đặc biệt yêu thích tư tưởng triết học của M.Heidegger và hệ thống tư tưởng phương Đông xưa cũ...Sự tiếp thông sâu sắc nguồn tư tưởng đó có thể nói đã dẫn đạo cho những suy tư văn học sâu sắc nói trên. Đây có thể xem là những **đóng góp không nhỏ và độc lập của Bùi Giáng trong lĩnh vực lý luận văn học dân tộc**. Ông thường nói: *“Chúng ta quen thói ngong ngóng chạy đuổi theo mọi thứ trào lưu ch nghĩa, chúng ta tuyệt nhiên không còn giữ một chút tinh t của con nà đ thế hội rằng lục bát Việt Nam là một cõi thi ca hoàng viễn nh, kỳ o nh của năm châu bốn biển ba sông bảy h và(...). Cái thói học đòi vá víu thông thái đã âm thầm giết chết máu me thân thế chúng ta.”*(7) Bùi Giáng luôn mu giữ sự tôn quý và đ cao b nền lĩnh dân tộc.

“Vui thôi mà” là câu ông thường nói khi được hỏi về việc làm thơ. Nói như đại thi hào Nguyễn Du, sáng tạo Truyện Kiều cũng ch đ Mua vui cũng được một vài trống canh. Song, như đã biết, Bùi Giáng đã có khoảng 60 tác phẩm ở các thế loại thơ, tạp văn, bàn luận về văn học và triết học; chuyên ngữ nhiều tác phẩm văn chương thế giới (bằng tiếng Pháp, tiếng Anh,

tiếng Trung Quốc, tiếng Đức) sang Việt ngữ. Tất cả đều theo một thủ điệu riêng biệt của ông. Riêng thơ, ông có trên ngàn bài. Văn nghiệp Bùi Giáng đồ sộ vô cùng. Một mặt, ông nghĩ về thơ như một cõi vô ngôn. Mặt khác, nói về chức năng của thi ca, Bùi Giáng cũng nhìn nhận một cách nhẹ nhàng, kín đáo: *Thơ tôi làm là để tặng chuồn chuồn châu chấu.*(8) Như vậy phải chăng với thơ, ông không đặt nặng vấn đề **vị nghệ thuật** hay **vị nhân sinh** của thi ca – văn học? Thực tế, người làm thơ muôn thuở đều khao khát được người đời chia sẻ, vì đó là mục đích tự thân để thơ ca được thành tựu. Và sứ điệp của thơ ca bao giờ cũng hướng đến một cứu cánh nào đó cho cuộc đời.

Khi cho rằng *làm thơ để tặng chuồn chuồn châu chấu* thì nghĩ là Bùi Giáng còn là con người một thái độ vô cùng, vô ưu trước thế giới thi ca ông. Buông mặc cho tâm tư lắng tan chảy vào thế giới vi diệu đó, người đọc sẽ bất gặp được nhiều ý vị, tìm thấy không phải là những điểu vĩ đại thì ít nhất cũng là một thoáng chốc bình yên giữa cõi phù sinh, tìm được niềm vui nho nhỏ để yêu, sống. Bùi Giáng đã nói đến chức năng của thơ(văn học) như một nhịp cầu để đồng điệu, tri âm giữa người với người, là nơi con người được giải trí và bồi bổ nhựa sống.

2.2. Quan niệm về thi nhân

Bất chước ông Khổng Tử

Con chim thì ta biết nó biết bay

Con cá thì ta biết nó lội

Thằng thi sĩ thì ta biết nó làm thơ

Nhưng thơ là gì thì đó là điểu ta không biết

(Sa Mạc Trường Ca)

Bùi Giáng quan niệm về thi nhân – thi sĩ giản dị, tự nhiên như bản mệnh đời sống vốn có: thi sĩ là người làm thơ. Bản thân ông sinh ra là để sống cho thơ và làm thơ. Nhiều thi sĩ xem ông là *hóa thân của thi ca*. Và cũng bằng một giọng điệu dị

thường c^ó hữu, ông nhận định thêm v^ề người làm thơ: *Thi sĩ sinh ra như mọi người giữa c^ó cây ly kỳ và ch^{ết} đi giữa ly kỳ gay c^{òn}(9)*. Vượt qua những định danh quen thuộc v^ề sứ mệnh cao c^ó, lớn lao c^{ủa} người nghệ sĩ – chi^{ến} sĩ trên mặt trận văn hóa, hay cách nhìn trên tinh th^{ần} lãng t^{âm} c^{ủa} các nhà Thơ mới: thi sĩ “là con chim đ^{ến} từ núi lạ ng^ủá c^ó hót chơi” (Xuân Diệu), “Thi sĩ không ph^{ải} là người. Nó là Người Mơ, Người Say, Người Điên. Nó là Tiên, là Ma, là Qu^ỷ, là Tinh, Là Yêu. Nó thoát Hiện tại. Nó x^{âm} trộn Dĩ vãng. Nó ôm trùm Tương lai. Người ta không hi^{ểu} được nó vì nó nói ra những đi^{ều} vô nghĩa, tuy rằng những cái vô nghĩa hợp lý (Ch^ị Lan Viên).

Với Bùi Giáng, người làm thơ trước h^{ết} là một con người đ^{ến} với m^{ình} đ^{ến} tr^{ên} gian nhi^{ều} quy^{ết} rũ và gay c^{òn} này đ^{ến} s^{ống} trọn, u^{ng} trọn những mật ngọt l^{ên} đ^{ến} cay c^{ủa} cuộc đời và bằng một tinh th^{ần} vô ưu, vô c^{ầu}: *Tôi lớn lên giữa linh hồn c^ó mọc đ^{ến} cháy h^{ết} mình, tận quy^{ết}-ch^{ết} – với thiên chức làm thơ c^{ủa} nó đ^{ến} trọn đời*. Cái ch^{ết} ở đây được hi^{ểu} trên tinh th^{ần} c^{ủa} câu nói: *N^{ếu} người không ch^{ết} trong cuộc tại th^ế thì người sẽ m^{ất} tích sau khi qua đời*. Thi sĩ Bùi Giáng, k^{hi} đã ch^{ết} trong cuộc tại th^ế này như chính thi sĩ nói: *Tôi s^{ống} trong cơn đại cơn điên. Tôi làm thơ trong cơn điên cơn đại. Nghĩa là tôi ch^{ết} hai ba l^{ần} trong trận s^{ống} đã đặt yêu c^{ầu} r^{ất} thiêng liêng, cao c^ó đ^{ối} với con người mang hai ti^{ếng}: thi nhân*. Nhà thơ Holderlin từng kì vọng và tôn xưng: *Con người s^{ống} trên mặt đ^{ất} này, như một thi sĩ*. Thi sĩ là người vinh hạnh đại diện trên h^{ết} cho v^ề đẹp rực rỡ c^{ủa} loài hoa đ^{ất} trên hành tinh xanh. Với Bùi thi sĩ, có th^ể nói ông là b^{ên} chứng trọn vẹn cho chính định nghĩa đó. Và nói như nhà thơ Huy T^{rung}: Ông là người... *Tận hi^{ến} h^{ết} c^ó đời mình cho Duy-nh^{ất} Thơ-ca(10)*. Nguyễn Hữu H^{ồng} Minh thì gọi Bùi Giáng là “Người Thơ” b^{ởi}: *Thơ với cuộc đời tiên sinh như đã được quán luận, được thực hành như một Đạo.Đạo Thơ*. [8, tr.432,433].

3. Qua hai tác ph^{ẩm} lý luận chính: “**Thi ca tư t^ưng**” và “**Đi vào cõi thơ**”, các quan đi^{ểm} văn học c^{ủa} Bùi Giáng được nêu lên khá hệ th^{ống}, mang nhi^{ều} hạt nhân mới m^{ới}, hiện đại, có tính

đột phá và độc lập trong quan niệm về thi ca (tác phẩm), về thi nhân (tác giả), về cách tiếp nhận tác phẩm văn chương (cách đọc), về ngôn ngữ thơ **so với quan niệm văn học truyền thống**; có những gợi mở đáng chú ý về người đọc và tác phẩm **gắn với quan niệm của các nhà lý luận văn học thế giới đương đại(11)**. Đi qua bao vùng trời tư tưởng Đông-Tây, kim-cổ, với sự tham chiếu, soi rọi nhau giữa những tư tưởng triết – mỹ Đông Tây từ cổ điển đến hiện đại đó, Bùi Giáng đã tìm thấy được những điểm khớp thế về bản chất của thơ ca, nghệ thuật; thấy được bản chất sự sáng tạo và tiếp nhận văn học tương ứng với quan niệm thơ ca, nghệ thuật đó. Sự nghiệp sáng tạo thơ ca Bùi Giáng dựa trên nền tảng quan điểm văn học đích thực cũng đã thu được những thành tựu rực rỡ, góp phần đưa thi ca dân tộc bước vào lộ trình hiện đại hóa và nhập cuộc cùng thế giới trên cơ sở bình diện lý luận và sáng tác. Hiện tại, từ hiệu năng của lý luận sáng tạo văn chương mới mẻ, thế giới thi ca Bùi Giáng đã trở thành một hệ thống mới đã, đang được cộng đồng và lan tỏa nhiều trong đời sống Việt trong nước(12) và ngoài nước và vẫn còn sức lôi cuốn những người đọc đang sáng tạo ở phía trước.

1. Chữ dùng của nhà nghiên cứu triết học, dịch giả Bùi Văn Sơn Nam.

2. Vị trí đầu tiên về kiểu nhà thơ “kì dị” này

Đầu thế kỷ XX được Chế Lan Viên ghi nhận thuộc về thi sĩ Hàn Mặc Tử.

3. Dẫn theo Hoàng Ngọc Hiên, Lời giới thiệu *Minh triết phương Đông và triết học phương Tây*, NXB Đà Nẵng, tr49.

4. Tên một bài thơ trong tập Mưa Ngâu của Bùi Giáng.

5. Tên một tác phẩm lý luận văn học của GS- TS Trương Đăng Dung.

6. Trường phái lý luận văn học Konstanz (Đức) xuất hiện vào cuối những năm 60 đầu những năm 70 thế kỷ XX với đại diện:

Hans Robert Jauss.

7. Đoàn T  Huy n, tài liệu đã d n, tr 479;

8. B i Gi ng, tài liệu đã d n, tr 34.

9. D n theo Đoàn V  Thượng,Th  thao & Văn hóa, *B i Gi ng: Người tiên lạc bước h ng tr n*, Thứ b y, 30 Tháng 10 2010 09:00

10. Lời nhà thơ Huy T ng đọc trước mộ B i Gi ng.

11. B i Gi ng vi t độc lập các tác ph m *Thi ca tư t ng*, *Đi vào cõi thơ*...vào thời đi m những năm c a thập niên 60-70 th  k  XX, cùng thời đi m các trường phái lí luận Thông di n học hiện đại, Mỹ học ti p nhận ra đời   châu Âu.

12. Hiện nay, thơ B i Gi ng đang được quan tâm nghiên cứu rộng rãi, liên tục trong môi trường học thuật   các trường đại học và trong đời s ng.

Tài liệu tham kh o

[1] Đoàn T  Huy n (2008), B i Gi ng trong cõi người ta, *Đi vào cõi thơ*, NXB Lao động – Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây.

[2] B i Gi ng (1969),*Thi ca tư t ng*, NXB Ca Dao, Sài Gòn.

[3],[6] B i Công Khanh (2005), *B i Gi ng trong tôi*, NXB Văn Nghệ,T.p HCM.

[4] H  Th  Hà (2007), Những kho nh kh c đ ng hiện, *Kho ng lặng c a ngôn từ thơ hay tín hiệu c a cái nh t trong thi ca*,NXB Văn học.

[5] Nhi u tác gi  (1999),*T ng Nh  Thi Sĩ B i Gi ng*, NXB Tr .

[7] Đoàn T  Huy n (2008), B i Gi ng trong cõi người ta, *B i gi ng – h n thơ bị v y kh n*, NXB Lao động – Trung tâm Văn hóa ngôn ngữ Đông Tây.

[8] Đoàn Tĩ Huyĩn (2008), Bũi Giĩng trong cĩi người ta, *Bũi Giĩng – “Người thơ” cuối cùng của thĩ kĩ 20*, NXB Lao động – Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đĩng Tĩy.

[Theo Internet](#)